

# SWIFT



 **SUZUKI**  
CÔNG TY TNHH VIỆT NAM SUZUKI  
[www.suzuki.com.vn](http://www.suzuki.com.vn)

Trang thiết bị tiêu chuẩn và các phụ kiện kèm theo có thể khác nhau tại từng thị trường và loại xe. Vui lòng liên hệ các đại lý Suzuki để biết thêm các thông tin chi tiết. Những chi tiết trên chỉ mang tính tương đối. SUZUKI MOTOR CORPORATION có quyền thay đổi mà không cần báo trước.

\*Ghi chú: Những hình ảnh minh họa trong catalogue có thể là ảnh ghép hoặc có bản quyền.

CATALOGUE SWIFT  
In tháng 11 năm 2013

  
**SUZUKI**

Way of Life!





GLX grade. Ablaze Red Pearl 2.

## Swift thay đổi cách lái xe của bạn

Hội tụ tất cả những yêu cầu của một chiếc xe compact tiện dụng, đã đến lúc bạn thay đổi với Swift. Swift mang lại cho bạn cảm giác hưng phấn, thoải mái, vui tươi khi cầm lái và cảm giác lướt êm trên mỗi chặng đường. Thiết kế của Swift phù hợp với thời đại khi mỗi cá nhân đều hướng về trách nhiệm cho xã hội và môi trường. Swift mang lại những gì tốt đẹp nhất mà bạn đang mong đợi.





## Chiếc xe compact với kiểu dáng năng động và đột phá

Từng chi tiết được thiết kế bắt mắt tạo nên sự khác biệt của Swift đối với các dòng xe khác khi di chuyển trên đường phố. Đường nét thiết kế của chiếc xe được tô đậm kết hợp với kiểu dáng thể thao tạo nên một chiếc Swift vừa mang dáng vẻ của một anh chàng khỏe khoắn song không kém phần lịch lãm. Mọi ánh nhìn sẽ đổ dồn vào dáng vẻ linh hoạt cùng nội lực mạnh mẽ của chiếc Swift. Mỗi khi bạn tăng tốc cùng Swift, bạn sẽ thật sự cảm nhận được hết tính năng mạnh mẽ của một chiếc xe compact.





GLX grade. Ablaze Red Pearl 2.

## Khơi gợi cảm hứng từ cuộc sống

Swift sẽ dẫn lối cùng bạn đến với những niềm vui khi cầm lái một chiếc compact tiện dụng. Với kiểu dáng độc đáo, Swift sẽ giúp bạn trải nghiệm những khái niệm mới về một chiếc compact nhỏ nhưng rất tiện dụng, thể thao, cá tính mỗi khi lăn bánh. Động cơ Swift với lượng tiêu thụ nhiên liệu thấp và tiêu chuẩn khí thải cao góp phần không nhỏ trong việc khơi gợi cho người lái những niềm vui bất tận mỗi khi cầm lái.





## Lái xe thể thao thật dễ dàng

Mỗi khi bạn mở cửa xe và bước vào trong, cảm hứng của một chiếc xe thể thao mạnh mẽ sẽ tràn ngập quanh bạn. Với tông màu nội thất đen chủ đạo làm tôn lên những chi tiết mạ bạc tương phản, sắc sảo tạo nên tổng thể nội thất mạnh mẽ, thể thao, nhưng cũng rất tinh tế, sang trọng. Dáng vẻ hiện đại làm toát lên sự sang trọng, lịch lãm cùng nội lực mạnh mẽ. Mỗi khi bạn chạm vào các nút điều khiển xe, bạn sẽ cảm nhận được một nguồn năng lượng mạnh mẽ luôn sẵn sàng cùng bạn cho những chuyến hành trình sắp tới. Thông tin trên bảng điều khiển được sắp xếp rất khoa học và dễ quan sát. Chính vì thế, bạn hoàn toàn có thể tập trung tối đa khi lái xe và tận hưởng được tối đa niềm vui khi cầm lái một chiếc xe compact thể thao, tiện dụng.



### Trang thiết bị và bảng điều khiển:

**Từng chi tiết trong khoang lái được thiết kế nhằm mang lại cho người lái cảm giác dễ dàng và hứng thú mỗi khi điều khiển xe.**

1. Cụm đồng hồ được thiết kế tinh tế, sắc sảo, bên cạnh đó các chỉ số như đèn báo lượng nhiên liệu tiêu thụ và lượng nhiên liệu còn lại được hiển thị rõ ràng giúp người sử dụng dễ dàng quan sát và sử dụng. Mỗi khi mặt cụm đồng hồ được bật sáng, ánh sáng xuyên qua mặt đồng hồ trong suốt tạo nên cảm giác rất thể thao và thời trang.
2. Swift còn nổi bật với hệ thống khởi động xe không cần chìa khóa "keyless push start system". Bạn chỉ cần mang theo một thiết bị nhỏ điều khiển từ xa để trong túi hoặc giỏ xách và khởi động xe với chỉ một động tác đơn giản là ấn vào nút "Engine Start Stop" trên bảng điều khiển. Bên cạnh đó, thiết bị điều khiển đó còn được sử dụng để mở và khóa cửa xe.
3. Hệ thống tay lái gập gù giúp người lái dễ dàng điều chỉnh tư thế lái thích hợp.



3 Hình chụp này có ánh sáng phản quang từ phía sau.



4



5 Hình chụp này có ánh sáng phản quang từ phía sau.

4. Chế độ số tự động kết hợp cùng cần gạt số với thiết kế phù hợp giúp dễ dàng khi chuyển số.

5. Bạn sẽ có những giây phút lái xe thật tập trung và thoải mái với hệ thống âm thanh hiện đại, tiên tiến kết hợp cùng hệ thống điều hòa hiện đại. Hệ thống âm thanh của Swift có thể kết nối dễ dàng với iPod và USB. Bên cạnh đó, hệ thống điều hòa hiện đại mang đến không gian mát mẻ, lý tưởng để bạn có thể tận hưởng trọn vẹn chuyến hành trình.



### Ghế lái:

Nhằm đảm bảo cho bạn cảm giác thoải mái tối đa khi cầm lái, ghế lái được thiết kế thích hợp cho riêng từng cá nhân. Ghế lái có thể điều chỉnh lên xuống giúp người lái chọn được tư thế lái phù hợp nhất. Thêm vào đó, thiết kế ghế lái hiện đại có thể gia tăng kích thước giúp người lái cảm thấy hoàn toàn thoải mái trên những chặng đường dài.



\*1 Hệ thống âm thanh gồm có đầu CD và radio.

\*2 iPod là nhãn hiệu thương mại của hãng Apple, được đăng ký bản quyền tại Mỹ và các nước khác.



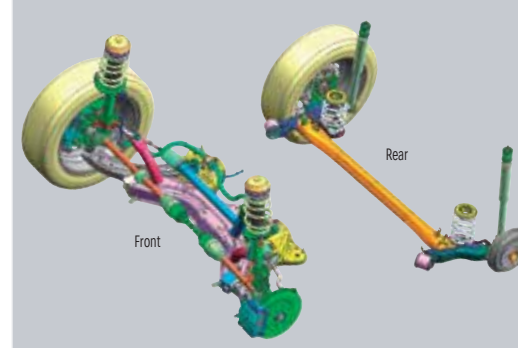


## Năng động cùng Swift

Được biết đến như một đàn anh tiên phong trong phân khúc xe compact trên toàn thế giới, Suzuki đã nhanh chóng lập chiến lược thiết kế cho chiếc Swift hoàn toàn mới. Trong thực tế, chúng tôi đã lấy cảm hứng từ một trong những chiếc xe thể thao nhất thế giới từ đó tăng thêm kích cỡ bánh xe nhằm cung cấp cho thế giới một dòng xe compact mới với thiết kế cao cấp hơn, năng động hơn phù hợp với xu hướng tiêu dùng của thời đại. Từ những con đường nhỏ hẹp trong thành phố đến những chặng đường quanh co nơi ngoại ô, Swift là một kiệt tác của sự kết hợp giữa những thao tác linh hoạt hòa cùng cảm giác tràn đầy tự tin, hưng phấn và khả năng ổn định của hệ thống lái. Bên cạnh đó là hệ thống động cơ mạnh mẽ, tràn đầy sinh lực kết hợp cùng hệ thống nhiên liệu kinh tế và hệ thống khí thải an toàn với môi trường. Một chiếc xe compact nhỏ với kiểu dáng thể thao hơn thật sự là một trong những sự lựa chọn hoàn hảo của bạn cho những chuyến hành trình dài.



GLX grade. Snow White Pearl.



### Hệ thống treo:

Hệ thống phanh cung cấp phanh cao cấp với cảm giác chính xác trong từng phản xạ. Tất cả các cấp độ được phân bố ở hệ thống phanh đĩa phía trước và phanh tang trống ở phía sau.



16-inch aluminium-alloy wheel



Front brake

### Bánh xe và lốp xe:

Đường kính lớn, bánh xe hợp kim nhôm 16-inch. Bánh xe với lốp xe đặc biệt giúp cho độ bám đường cao hơn trên bề mặt ẩm ướt và khô và giúp giảm mức tiêu thụ nhiên liệu.

### Hệ thống phanh:

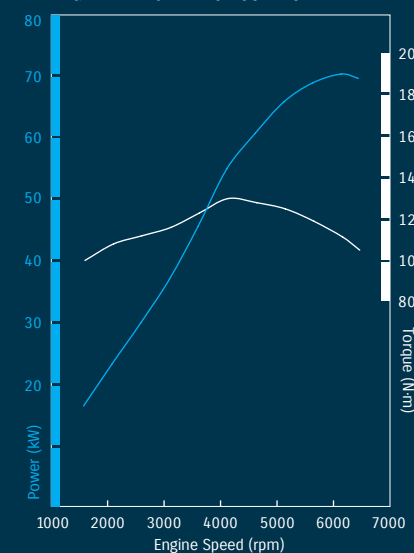
Hệ thống phanh cung cấp lực phanh cao cấp với cảm giác chính xác trong từng phản ứng. Tất cả các cấp độ được phân bố ở hệ thống phanh đĩa phía trước và phanh tang trống ở phía sau.

### K14B 1.4-litre petrol engine



GLX grade. Ablaze Red Pearl 2.

### ENGINE PERFORMANCE CURVES



Maximum output

**70/6,000 kW/rpm**

Maximum torque

**130/4,000 N·m/rpm**

### Động cơ:

Swift được trang bị một động cơ xăng K14B 1,4 lít có tỷ số công suất-trọng lượng xuất sắc, hình dạng cổ nạp mới được cải thiện, và công nghệ giảm thiểu ma sát. Đối với lái xe, lợi ích là đạt hiệu suất nhanh chóng, tiết kiệm nhiên liệu tuyệt vời, và lượng khí thải thấp.





# Tận hưởng giá trị cuộc sống cùng Swift

Trên những chuyến hành trình, Swift sẽ luôn đồng hành cùng những con người năng động. Cùng với Swift, bạn sẽ hoàn toàn tự tin trong việc kiến tạo những mối quan hệ mới, dành nhiều thời gian hơn cho bạn bè và tận hưởng được những khoảnh khắc tươi đẹp trong nhịp sống hằng ngày.







## Nhỏ gọn, rộng rãi, và hơn thế nữa.

Làm thế nào để tìm được không gian rộng rãi trong sự nhỏ gọn? Bạn chỉ cần nhìn vào bên trong chiếc Swift mới. Kích thước nhỏ gọn và tiện dụng của Swift được khéo léo thiết kế sao cho có thể tận dụng được tối đa không gian cho cả hành khách và hành lý trên xe, bạn sẽ thật sự bất ngờ với sự thoải mái mỗi khi ngồi trong xe. Tương tự, khi bạn cần dùng những vật dụng nhỏ để trên xe thì Swift với thiết kế tinh tế, khéo léo, phong phú của các ngăn chứa đồ hoàn toàn có thể đáp ứng những nhu cầu của bạn. Những giải pháp cho không gian tiện dụng sẽ giúp bạn có những trải nghiệm thật thú vị mỗi khi sử dụng Swift. Suzuki luôn là nhà tiên phong, dẫn đầu trong việc đặt tất cả niềm say mê hòa cùng những cung bậc cảm xúc trong cuộc sống vào những thiết kế xe compact tiện dụng, nhỏ gọn của mình.



Chi tiết thực tế sẽ thay đổi tại thị trường Việt Nam

### Không gian nội thất rộng rãi :

Mặc dù mang dáng vẻ bề ngoài nhỏ gọn, thế nhưng khi bước vào trong xe, Swift sẽ cho mang đến cho bạn một không gian hoàn toàn thoải mái, dễ chịu. Ngay cả hành khách ở hàng ghế sau cũng sẽ được tận hưởng một không gian rộng rãi nhờ vào thiết kế sáng tạo ở mặt sau của hàng ghế trước và có thể tối đa hóa khoảng trống ở khoang hành khách phía sau. Khoang hành lý thật lý tưởng và tiện dụng phía sau hàng ghế hành khách. Với những cải tiến trong thiết kế của dòng compact Suzuki, bạn hoàn toàn có thể mở rộng thêm diện tích cho khoang chứa đồ theo tùy ý thích và mục đích sử dụng của bạn.

Hàng ghế sau gập 60:40



Chi tiết thực tế sẽ thay đổi tại thị trường Việt Nam



### Gập dễ dàng hàng ghế sau:

Chỉ với 1 thao tác đơn giản, bạn có thể gập hàng ghế sau lại theo tỷ lệ 60:40 để tạo thêm nhiều khoảng trống hơn. Bằng cách gập hết cả 2 ghế hành khách phía sau bạn sẽ có thể tự mình mở rộng thêm diện tích cho khoang chứa hành lý. Với những phần ghế gập lớn, sẽ có nhiều không gian cho những vật dụng với kích thước lớn và thậm chí cho thêm cả 1 hành khách nữa của bạn muốn cùng tham gia chuyến hành trình cùng bạn. Với những phần ghế gập nhỏ hơn, bạn hoàn toàn có thể yên tâm nếu hành lý của bạn thuộc loại dài mà vẫn đủ chỗ cho 2 hành khách phía sau.



Chi tiết thực tế sẽ thay đổi tại thị trường Việt Nam

Ngăn chứa đồ nhỏ trên nắp lô



Hộc chứa đồ



Ngăn chứa đồ tiện dụng



Túi đựng tạp chí ở lưng ghế trước

Ngăn chứa vật dụng bên cửa trước

Ngăn chứa vật dụng bên cửa sau

Chi tiết thực tế sẽ thay đổi tại thị trường Việt Nam





## Những lý do tuyệt vời cho sự tự tin của bạn

Tự tin và tinh thần thoải mái luôn song hành cùng nhau tựa như nụ cười và năng mai. Đó là lý do vì sao Swift được trang bị các chức năng an toàn và tính năng bảo vệ tối đa nhằm truyền cảm hứng cho sự tự tin của bạn. Đối với Suzuki, triết lý cho sự an toàn luôn được tối ưu hóa tối đa nhằm giúp các lái xe tránh được những rắc rối đồng thời hỗ trợ cho bạn những tính năng an toàn chủ động như cabin chắc chắn, hệ thống túi khí an toàn và các tính năng bảo vệ làm giảm tối đa lực tác động từ va đập. Các thiết kế của Suzuki cũng khá chú trọng trong việc bảo vệ người đi bộ khi những va chạm không mong muốn xảy ra. Swift cam kết hướng đến tính năng an toàn tối đa cho người sử dụng, đây cũng chính là một lý do tạo nên cảm hứng tìm đến sự yên bình trong tâm trí của bạn mỗi khi cầm lái Swift.



GLX grade, Star Silver Metallic



Phiên bản GLX

Chỉ 2 túi khí trước tại thị trường Việt Nam



Thiết kế giảm chấn thương vùng cổ của hàng ghế trước

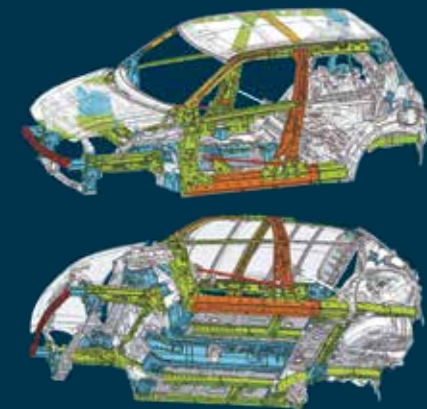


### Túi khí và hệ thống bảo vệ cổ của ghế phía trước:

Để bảo vệ thêm trong trường hợp có rủi ro, Swift được trang bị 2 túi khí (túi khí cho người lái và hành khách). Swift thậm chí còn giúp làm giảm nguy cơ rủi ro nhờ một thiết kế hàng ghế trước giúp hỗ trợ đầu và cổ trong trường hợp có một tác động từ phía sau.

### Thân xe:

Thân xe Swift thừa hưởng công nghệ: phân tán lực va chạm và giảm thiểu chấn thương (TECT). Sau khi tiến hành mở rộng hỗ trợ mô phỏng máy tính, Suzuki đã sử dụng chất liệu thép đặc biệt để bảo vệ hơn nữa cho hành khách cùng với sự tiết kiệm nhiên liệu.



### Lái xe trong yên bình

Im lặng là vàng, đặc biệt là khi nó giúp một người lái xe giữ tập trung và lái xe an toàn. Swift mới được thiết kế với khả năng vận hành rất êm ái trên đường. Thân xe cứng và các khớp giữa các thành phần cứng ngăn chặn âm thanh không mong muốn. Gương chiếu hậu tích hợp đèn báo rẽ, có khả năng gấp điện giúp xe an toàn và tiện nghi hơn.



Kiểm tra khí động học



Gương chiếu hậu gấp điện, chỉnh điện tích hợp đèn báo rẽ



Trang thiết bị chính

SWIFT

|                                              |                                                          |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Số cửa                                       | 5                                                        |
| Động cơ                                      | K14B                                                     |
| Loại                                         | AZF414F                                                  |
| Hộp số                                       | 4AT                                                      |
| KHUNG GẮM                                    |                                                          |
| Bánh xe                                      | 185/55R16 + mâm đúc                                      |
| Bánh xe dự phòng                             | T135/70R15 + mâm sắt (sử dụng tạm thời)                  |
| NGOẠI THẤT                                   |                                                          |
| Tay nắm cửa                                  | Cùng màu thân xe                                         |
| Kính chắn gió                                |                                                          |
| Cần gạt nước                                 | 2 tốc độ (cao, thấp) +điều chỉnh không liên tục + cọ rửa |
| Sưởi kính sau                                |                                                          |
| Kính chiếu hậu                               | Điều chỉnh điện, gập điện                                |
| TÂM NHÌN                                     |                                                          |
| Đèn pha                                      | Halogen phản quang đa chiều                              |
| Đèn sương mù                                 | Trước, màu trắng                                         |
| Đèn soi biển số                              | Phía sau, màu trắng                                      |
| Đèn báo rẽ                                   | Tích hợp trên gương chiếu hậu, màu vàng                  |
| TAY LÁI VÀ BẢNG ĐIỀU KHIỂN                   |                                                          |
| Tay lái 3 chấu                               | Polyurethane                                             |
| Tay lái trợ lực                              | Điện                                                     |
| Tay lái có thể điều chỉnh                    | Gật gù                                                   |
| Đồng hồ báo tốc độ                           | Đèn màu cam                                              |
| Bảng hiển thị thông tin tích hợp cụm đồng hồ | Báo cửa đóng hờ                                          |
|                                              | Báo hết nhiên liệu                                       |
|                                              | Đèn cảnh báo                                             |
|                                              | Đo tiêu hao nhiên liệu                                   |
|                                              | Tốc độ trung bình                                        |
|                                              | Báo dây đai an toàn ghế lái                              |
| TIỆN NGHI LÁI                                |                                                          |
| Cửa kính chỉnh điện                          | Trước , sau                                              |
| Khóa cửa trung tâm                           | Nút điều khiển (ghế lái)                                 |
| Khóa cửa từ xa (remote control)              | Với chức năng báo đèn ưu tiên                            |
| Khởi động không cần chìa                     | Bằng nút bấm                                             |
| Máy lạnh                                     | Tự động                                                  |
| Âm thanh                                     | Loa x 4                                                  |
|                                              | CD + MP3 + USB                                           |
| NỘI THẤT                                     |                                                          |
| Đèn cabin                                    | Đèn cabin sau                                            |
|                                              | Đèn khoang hành lý                                       |
| Tay nắm hỗ trợ                               | Ghế hành khách                                           |
| Hộc đựng trung tâm                           |                                                          |
| Ổ cắm 12V                                    |                                                          |
| Mở nắp nhiên liệu từ xa                      |                                                          |
| Hàng ghế trước                               | Điều chỉnh độ cao (ghế lái)                              |
|                                              | Gối tựa đầu                                              |
|                                              | Điều chỉnh trượt và tựa                                  |
| Hàng ghế sau                                 | Có tựa tay                                               |
|                                              | Gập 60 : 40                                              |
|                                              | Tựa đầu x 2                                              |
| Vật liệu bọc ghế                             | Nỉ                                                       |
| AN TOÀN                                      |                                                          |
| Túi khí                                      | X 2                                                      |
| Dây đai an toàn                              | Trước: dây đai an toàn 3 điểm ELR                        |
|                                              | Sau: dây đai an toàn 3 điểm ELR x 2                      |
| Khóa cửa an toàn cho trẻ em                  |                                                          |
| Hệ thống phanh                               | Đĩa/ tang trống + ABS                                    |
| Đèn báo phanh trên cao                       | Màu đỏ                                                   |



Thông số kỹ thuật

|                                         |                   |                                             |
|-----------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------|
| Số cửa                                  |                   | 5                                           |
| Động cơ                                 |                   | Xăng                                        |
| Hệ thống dẫn động                       |                   | 4 x 2                                       |
| Hộp số                                  |                   | 4 AT                                        |
| KÍCH THƯỚC                              |                   |                                             |
| Dài                                     | mm                | 3,850                                       |
| Rộng                                    | mm                | 1,695                                       |
| Cao                                     | mm                | 1,510                                       |
| Chiều dài cơ sở                         | mm                | 2,430                                       |
| Chiều rộng cơ sở                        |                   |                                             |
| Trước                                   | mm                | 1,480                                       |
| Sau                                     | mm                | 1,485                                       |
| Bán kính vòng quay tối thiểu            | m                 | 5.2                                         |
| Khoảng sáng gầm xe tối thiểu            | mm                | 140                                         |
| TRỌNG TẢI                               |                   |                                             |
| Số chỗ ngồi                             |                   | 5                                           |
| Dung tích bình xăng                     | lít               | 42                                          |
| ĐỘNG CƠ                                 |                   |                                             |
| Kiểu                                    |                   | K14B                                        |
| Số xy-lanh                              |                   | 4                                           |
| Số van                                  |                   | 16                                          |
| Dung tích động cơ                       | cm3               | 1,373                                       |
| Đường kính xi-lanh x khoảng chạy piston | mm                | 73.0 x 82.0                                 |
| Tỷ số nén                               |                   | 10.0                                        |
| Công suất cực đại                       | kW/rpm            | 70/6,000                                    |
| Mô men xoắn cực đại                     | N-m/rpm           | 130/4,000                                   |
| Hệ thống phun nhiên liệu                |                   | Phun xăng điện tử                           |
| Mức tiêu hao nhiên liệu                 | lít               | 6.2                                         |
| Hệ thống khởi động thông minh           |                   | Khởi động bằng nút bấm                      |
| HỘP SỐ                                  |                   |                                             |
| Kiểu                                    |                   | 4AT                                         |
| Tỷ số truyền                            | Số 1              | 2,875                                       |
|                                         | Số 2              | 1,568                                       |
|                                         | Số 3              | 1,000                                       |
|                                         | Số 4              | 0,697                                       |
|                                         | Số lùi            | 2,300                                       |
|                                         | Tỷ số truyền cuối | 4,375                                       |
| KHUNG XE                                |                   |                                             |
| Trợ lực lái                             |                   | Cơ cấu bánh răng – thanh răng               |
| Phanh                                   | Trước             | Đĩa thông gió, trợ lực chân không           |
|                                         | Sau               | Tang trống, trợ lực chân không              |
| Hệ thống treo                           | Trước             | McPherson với lò xo trụ, giảm chấn thủy lực |
|                                         | Sau               | Lò xo trụ, giảm chấn thủy lực               |
| Vỏ và mâm xe                            |                   | 185/55R16                                   |
| TRỌNG LƯỢNG                             |                   |                                             |
| Trọng lượng không tải                   | Kg                | 990                                         |
| Trọng lượng toàn tải                    | Kg                | 1,480                                       |

Màu sắc

Màu thân xe



Đỏ ngọc trai



Màu xanh



Màu trắng



Màu cam

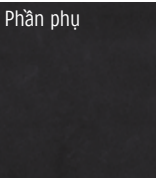


Màu xám

Màu ghế

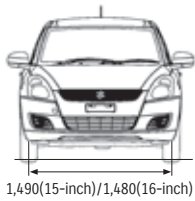


Phần chính

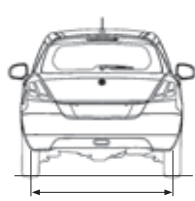
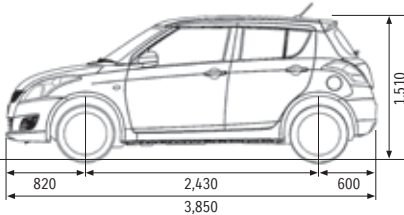


Phần phụ

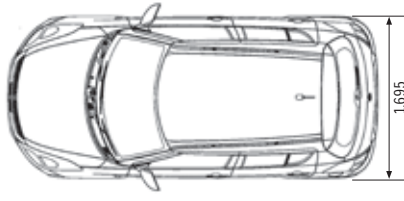
5-doors



1,490(15-inch)/1,480(16-inch)



1,495(15-inch)/1,485(16-inch)



mm